

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP  
CÔNG TY MẸ**

**BẢN SAO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**TÔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP  
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 2 Triệu Quốc Đạt – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mã số thuế: 0100101379

---

**MỤC LỤC**

**Trang**

Báo cáo của Ban Giám đốc

2 - 4

Báo cáo kiểm toán

5 - 6

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

*Bảng cân đối kế toán*

7 - 8

*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

9

*Báo cáo lưu chuyển tiền tệ*

10

*Thuyết minh báo cáo tài chính*

11-27

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP  
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 2 Triệu Quốc Đạt – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mã số thuế: 0100101379

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, Ban Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp (sau đây được viết tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

**1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP (MIE)**

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp (MIE) là Tổng Công ty Nhà nước, được thành lập theo quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và được thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 0106000827 ngày 08/02/1996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp, đăng ký lại lần thứ nhất ngày 02/01/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 22/4/2008. Ngày 15 tháng 06 năm 2010, Bộ Công thương ban hành Quyết định số 3168/QĐ-BCT về việc chuyển Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp sang hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con. Ngày 31 tháng 08 năm 2010, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với Mã số doanh nghiệp 0100101379 Giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2010, sửa đổi lần thứ 2 ngày 13 tháng 10 năm 2011, sửa đổi lần thứ 3 ngày 30 tháng 01 năm 2012 và sửa đổi lần thứ 4 ngày 10 tháng 07 năm 2013.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty: 516.847.000.000 VND (Năm trăm mười sáu tỷ tám trăm bốn mươi bảy triệu đồng).

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 2 phố Triệu Quốc Đạt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

**Chi nhánh và các đơn vị phụ thuộc:**

**Tên**

**Địa chỉ**

**Chi nhánh**

Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp

Số 275 Hùng Vương - Phường 9- Quận 6-  
Thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Tổng Công ty – Công ty Cơ khí và Xây lắp  
Miền Trung

Huyện Điện Bàn – Tỉnh Quảng Nam

**Đơn vị phụ thuộc**

Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp

Số 2 Triệu Quốc Đạt – Hà Nội

Công ty Xây Lắp Công Nghiệp

Số 20 Láng Hạ - Đống Đa – Hà Nội

**2. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty:

- Khai thác quặng sắt;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dung hữu hình khác;
- Xây dựng nhà các loại



**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP  
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 2 Triệu Quốc Đạt – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mã số thuế: 0100101379

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Bán buôn hoá chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp).
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Bán buôn tổng hợp (trừ các loại Nhà nước cấm)
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Xây dựng công trình công ích
- Thoát nước và xử lý nước thải
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại
- Hoàn thiện các công trình xây dựng
- Lắp đặt hệ thống điện, chủ sử dụng hoặc đi thuê

.....

**3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán kèm theo Báo cáo này.

**4. CHUYỂN ĐỔI HÌNH THỨC SỞ HỮU**

Theo Quyết định số 3168 /QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2010 về việc chuyển Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp sang hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con thì Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp được thành lập trên cơ sở tổ chức lại Văn phòng cơ quan Tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc. Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân, có con dấu, biểu tượng, điều lệ tổ chức và hoạt động, có chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật, được mở tài khoản tại các ngân hàng và kho bạc Nhà nước có trách nhiệm kế thừa các quyền và nghĩa vụ pháp lý của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp; trực tiếp thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết, chịu trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước tại Tổng Công ty và vốn đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết.

**5. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHOÁ SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi thấy không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính năm 2013 đòi hỏi phải được trình bày trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Ban lãnh đạo của Tổng Công ty tại ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

**Hội đồng thành viên:**

Ông Lê Xuân Hãn

Chủ tịch

Bổ nhiệm ngày 16/07/2010 theo Quyết định số 3788/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Công thương

**Ban Tổng Giám đốc:**

Ông Vũ Việt Kha

Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 16/07/2010 theo Quyết định số 3789/QĐ-BTC của Bộ

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP  
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 2 Triệu Quốc Đạt – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mã số thuế: 0100101379

trưởng Bộ Công thương

Ông Trần Quốc Toàn  
Ông Nguyễn Khắc Hải  
Ông Phạm Thành Đông

Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

**6. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các qui định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

**7. CAM KẾT CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp khẳng định rằng Báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày trung thực, hợp lý, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành.



Vũ Việt Kha  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2014



Số: 477c/2014/BCKT-VIA/P3

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi :** Hội đồng thành viên  
Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp, được lập ngày 26/03/2014, từ trang trang 7 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 4, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các qui định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.





## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong phạm vi kiểm toán được thỏa thuận, chúng tôi không thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp (tại Thành phố HCM) và Chi nhánh Tổng Công ty - Công ty Cơ khí và Xây lắp Miền Trung. Do vậy, chúng tôi không thể đưa ra đánh giá đầy đủ về mức độ ảnh hưởng của số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 chưa được kiểm toán của hai đơn vị nêu trên đối với Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp MIE cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Chúng tôi cũng đã phát hành Báo cáo kiểm toán dạng chấp nhận từng phần số 477C/2014/BCKT – VIA- P3 ngày 02 tháng 06 năm 2014 của Văn phòng Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp, Báo cáo kiểm toán số 477B/2014/VIA-BCKT ngày 11 tháng 04 năm 2014 của Công ty Xây Lắp Công nghiệp và Báo cáo kiểm toán số 477A/2014/VIA-BCKT ngày 20 tháng 03 năm 2014 của Công ty Tư vấn Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp (ISC) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013. Do đó, ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính được đính kèm theo đây bị ảnh hưởng bởi giới hạn kiểm toán và ý kiến kiểm toán của Văn phòng Tổng Công ty máy và Thiết bị Công nghiệp và hai Công ty trên đối với Báo cáo tài chính tổng hợp (Công ty Mẹ) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Tổng Công ty đang sử dụng giả thiết rằng, trong các giao dịch bán hàng nội bộ thì giá vốn hàng bán bằng với doanh thu để làm cơ sở lập Báo cáo tài chính. Chúng tôi không có ý kiến gì về ảnh hưởng của giả thiết trên đến một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đính kèm Báo cáo kiểm toán này.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính do các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến quá trình lập báo cáo tài chính.



**Nguyễn Tài Dũng**

**Phó Tổng Giám đốc**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số:*

**0133-2013-137-1**

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC GIA VIA**

*Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2014*



**Đỗ Thị Thu Hương**

**Kiểm toán viên**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số:*

**1417-2013-137-1**



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>366.025.541.330</b>	<b>259.823.149.748</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>152.672.970.519</b>	<b>36.037.011.886</b>
1. Tiền	111		3.874.970.519	2.037.011.886
2. Các khoản tương đương tiền	112		148.798.000.000	34.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>12.591.277.707</b>	<b>6.609.519.528</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	2	12.591.277.707	6.609.519.528
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>139.229.279.640</b> ✓	<b>174.997.172.613</b>
1. Phải thu khách hàng	131		128.132.571.745	131.325.596.981
2. Trả trước cho người bán	132		4.078.202.888	22.275.093.491
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		1.800.801.404	2.654.929.016
5. Các khoản phải thu khác	138	3	8.412.319.928	19.115.751.625
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.194.616.325)	(374.198.500)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>42.239.465.728</b>	<b>26.305.764.034</b>
1. Hàng tồn kho	141	4	44.070.537.115	26.473.762.998
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.831.071.387)	(167.998.964)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>19.292.547.736</b>	<b>15.873.681.687</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.469.566.204	15.731.780.307
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.449.200.331	1.121.872
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5	327.195.568	38.350.716
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.046.585.633	102.428.792
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>318.692.332.635</b>	<b>319.224.388.749</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>53.242.179.192</b>	<b>18.675.969.528</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>6</b>	<b>16.538.679.192</b>	<b>18.625.215.309</b>
- Nguyên giá	222		30.916.577.240	31.915.467.957
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.377.898.048)	(13.290.252.648)
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>7</b>	<b>-</b>	<b>9.333.334</b>
- Nguyên giá	228		-	31.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(21.666.666)
<b>4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>	<b>8</b>	<b>36.703.500.000</b>	<b>41.420.885</b>
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9</b>	<b>264.855.936.290</b>	<b>299.947.096.632</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		205.249.406.632	240.249.406.632
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		58.218.839.658	53.710.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		5.987.690.000	5.987.690.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(4.600.000.000)	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>594.217.153</b>	<b>601.322.589</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	594.217.153	601.322.589
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>684.717.873.965</b> ✓	<b>579.047.538.497</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

*Đơn vị tính: VND*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>237.700.883.786<sup>√</sup></b>	<b>243.854.411.571</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>237.700.883.786</b>	<b>243.854.411.571</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	12.376.293.190	14.280.454.471
2. Phải trả người bán	312		63.857.659.390	99.399.356.130
3. Người mua trả tiền trước	313		130.648.860.921	66.509.209.282
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	869.649.812	3.753.384.905
5. Phải trả người lao động	315		1.574.212.885	1.260.924.609
6. Chi phí phải trả	316	13	3.749.664.562	4.638.861.324
7. Phải trả nội bộ	317		1.837.930.747	1.483.942.820
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	22.220.882.267	52.141.556.976
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		565.730.012	386.721.054
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>447.016.990.179</b>	<b>335.193.126.926</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	15	<b>447.016.990.179<sup>√</sup></b>	<b>335.193.126.926</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		441.948.289.841	312.529.174.684
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	38.725.033
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.903.060.010	2.561.266.142
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	3.761.180.577
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(9.644.549.506)	(3.788.600.182)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		1.759.751.115	1.759.751.115
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		3.050.438.719	18.331.629.557
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>684.717.873.965</b>	<b>579.047.538.497</b>

*Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2014*

Người lập



**Đâu Huy Ngọc Linh**

Kế toán trưởng



**Trần Thị Thu Trang**



**Vũ Việt Kha**

Mẫu số B02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16	318.911.902.873 <sup>✓</sup>	265.924.345.417 <sup>✓</sup>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.17	8.360.146 <sup>✓</sup>	9.502.841.464 <sup>✓</sup>
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.18	318.903.542.727 <sup>✓</sup>	256.421.503.953 <sup>✓</sup>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.19	291.415.743.090 <sup>✓</sup>	234.069.769.863 <sup>✓</sup>
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.487.799.637 <sup>✓</sup>	22.351.734.090 <sup>✓</sup>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20	7.697.814.354 <sup>✓</sup>	3.188.269.394 <sup>✓</sup>
7. Chi phí tài chính	22	VI.21	15.056.180.913 <sup>✓</sup>	6.639.200.679 <sup>✓</sup>
8. Chi phí bán hàng	24		82.046.211 <sup>✓</sup>	616.917.852 <sup>✓</sup>
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.658.981.042 <sup>✓</sup>	14.812.814.283 <sup>✓</sup>
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		388.405.825 <sup>✓</sup>	3.471.070.670
11. Thu nhập khác	31		2.293.472.957 <sup>✓</sup>	7.069.635.438 <sup>✓</sup>
12. Chi phí khác	32		1.700.229.482 <sup>✓</sup>	9.190.596.427 <sup>✓</sup>
13. Lợi nhuận khác	40		593.243.475 <sup>✓</sup>	(2.120.960.989) <sup>✓</sup>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		981.649.300 <sup>✓</sup>	1.350.109.681 <sup>✓</sup>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.22	898.814.181 <sup>✓</sup>	1.718.653.814 <sup>✓</sup>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		82.835.119 <sup>✓</sup>	(368.544.133) <sup>✓</sup>

Người lập



Đâu Huy Ngọc Linh

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Trang

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Vũ Việt Kha



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)


Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	371.609.830.697	292.978.886.866
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(275.615.444.749)	(217.922.521.883)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(6.075.069.866)	(7.453.485.422)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(921.282.201)	(2.501.429.142)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(1.870.807.375)	(623.671.625)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	141.420.583.617	87.911.296.938
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(98.145.852.312)	(119.163.251.721)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>130.401.957.811</b>	<b>33.225.824.011</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(12.370.909)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn khác	22	-	3.921.392.950
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(23.994.456.760)	(16.245.500.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	9.694.456.760	6.300.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.696.029.720	2.406.571.206
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(7.616.341.189)</b>	<b>(3.617.535.844)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhập góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu ci	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	64.608.192.232	70.019.908.098
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(70.759.810.356)	(83.316.476.290)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(6.151.618.124)</b>	<b>(13.296.568.192)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>116.633.998.498</b>	<b>16.311.719.975</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>36.037.011.886</b>	<b>19.725.316.718</b>
<b>Anh hưởng của thay đổi tỷ giá đối ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>1.960.136</b>	<b>(24.807)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>152.672.970.520</b>	<b>36.037.011.886</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2014

Người lập



Đạu Huy Ngọc Linh

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Trang

Tổng Giám đốc



Vũ Việt Kha



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**Mẫu số B09-DN**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Khái quát chung**

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp (MIE) là Tổng Công ty Nhà nước, được thành lập theo quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và được thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 0106000827 ngày 08/02/1996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp, đăng ký lại lần thứ nhất ngày 02/01/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 22/4/2008. Ngày 15 tháng 06 năm 2010, Bộ Công thương ban hành Quyết định số 3168 /QĐ-BCT về việc chuyển Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp sang hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con. Ngày 31 tháng 08 năm 2010, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với Mã số doanh nghiệp 0100101379 Giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2010.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty: 516.847.000.000 VND (*Năm trăm mười sáu tỷ tám trăm bốn mươi bảy triệu đồng*).

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 2 phố Triệu Quốc Đạt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

**2. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty:

- Khai thác quặng sắt;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dung hữu hình khác;
- Xây dựng nhà các loại
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn hoá chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Bán buôn tổng hợp (trừ các loại Nhà nước cấm)
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Xây dựng công trình công ích
- Thoát nước và xử lý nước thải
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại
- Hoàn thiện các công trình xây dựng
- Lắp đặt hệ thống điện, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- .....



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**Mẫu số B09-DN**

- Giáo dục nghề nghiệp.

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty thực hiện công tác kế toán theo chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Thông tư bổ sung, sửa đổi chế độ kế toán kèm theo đến thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**2. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung**

**IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM**

Tổng Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo các văn bản sau:

- Thông tư số 161/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện 16 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002, Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003.
- Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán thực hiện số 03 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 về việc ban hành và công bố 04 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5)

**V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền**

- *Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính bao gồm:* Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, tiền đang chuyển đảm bảo được kiểm kê đầy đủ.
- *Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:* Các khoản tương đương tiền được phản ánh trong Báo cáo tài chính là các khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty đang nắm giữ có thời gian đáo hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng kể từ ngày Công ty đầu tư.

*Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra VND:* Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch đối với ngân hàng thương mại. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**Mẫu số B09-DN**

phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào Kết quả Hoạt động Kinh doanh của kỳ hoạt động theo quy định tại Thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 “Quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong Doanh nghiệp”.

### **2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

- *Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:* phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp

- *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:* bình quân gia quyền

- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* kê khai thường xuyên

- *Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì Tổng Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

- *Nguyên tắc ghi nhận:* Phải thu thương mại và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc và chênh lệch giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Giá trị có thể thu hồi được là giá trị có thể thu được ước tính, trừ đi các chi phí ước tính phát sinh nhằm thu hồi các khoản nợ đó.

*Lập dự phòng phải thu khó đòi:* Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, giảm giá chứng khoán đầu tư, nợ khó đòi tại doanh nghiệp.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**Mẫu số B09-DN**

**4. Ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định (TSCĐ)**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình trước ngày 10/06/2013 được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009. Từ ngày 10/06/2013 Công ty áp dụng tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013.

**5. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phát sinh, từ khoản chi phí đi vay liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản dở dang đủ điều kiện được vốn hóa theo như quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 'Chi phí đi vay'.

**6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay ngắn hạn, dài hạn và nợ dài hạn được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ của chúng.

**7. Nguồn vốn, Quỹ**

*Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

*Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái:*

- Đối với chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ, Tổng Công ty thực hiện hạch toán vào doanh thu, chi phí và được tính vào thu nhập hoặc chi phí khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Đối với khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính: được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

*Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:* theo kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty sau khi đã trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thoả mãn đầy đủ các điều kiện sau:*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá hoặc dịch vụ đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá; \*
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Mẫu số B09-DN

**Doanh thu cung cấp dịch vụ:** tuân thủ điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Cụ thể: doanh thu được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **9. Nghĩa vụ thuế**

#### **Thuế Giá trị gia tăng**

Thuế giá trị gia tăng được kê khai và hạch toán theo phương pháp khấu trừ. Mức thuế suất thuế Giá trị gia tăng áp dụng trong Tổng Công ty MIE là 0%, 5%, 10%.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)**

Nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty như sau:

- **Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp:**

- + Văn phòng Tổng Công ty: thuế suất thuế TNDN Tổng Công ty phải nộp là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.
- + Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp: Thuế suất thuế TNDN là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.
- + Công ty Xây lắp Công nghiệp: Thuế suất thuế TNDN là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

### **10. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp được lập trên cơ sở cộng hợp số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Văn phòng Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty Cơ khí và Xây lắp Miền Trung, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty Xây lắp Công nghiệp và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty Tư vấn đầu tư và Dịch



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**Mẫu số B09-DN**

vụ Kỹ thuật Công nghiệp, có loại trừ doanh thu, giá vốn và công nợ nội bộ với giá thiết doanh thu nội bộ bằng với giá vốn nội bộ.

**11. Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ. Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc, nợ phải trả tài chính bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

*Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu*

Ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng phải thu khó đòi và các khoản đầu tư tài chính được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, thì hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Ngày 6/11/2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Tuy nhiên cho đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư 210, do đó Công ty chưa trình bày thuyết minh về công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

**12. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra các quyết định chính sách tài chính và hoạt động.

**13. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Hiện nay, hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm da, may mặc và mũ xuất khẩu. Do đó, việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoàn toàn không cần thiết.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất và điều hành của Công ty tập trung tại khu vực thành phố Hà Nội trong khi các hoạt động mua hàng và tiêu thụ xảy ra trong phạm vi cả nước và nước ngoài. Vì vậy, việc lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là không khả thi và việc không lập báo cáo này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày báo cáo tài chính nói chung.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Mẫu số B09-DN

**VI. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Đơn vị tính: VND*

**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Tiền mặt	165.684.096	689.311.394
Tiền gửi ngân hàng	3.709.286.423	1.347.700.492
Các khoản tương đương tiền	148.798.000.000	34.000.000.000
<b>Cộng</b>	<u><b>152.672.970.519</b></u>	<u><b>36.037.011.886</b></u>

**02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	12.091.277.707	4.891.277.707
Cho vay ngắn hạn	500.000.000	1.718.241.821
<b>Cộng</b>	<u><b>12.591.277.707</b></u>	<u><b>6.609.519.528</b></u>

**03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Phải thu của người lao động	1.908.480	-
Phải thu khác	5.464.789.217	10.105.446.420
Tạm ứng	1.319.806.782	2.391.250.875
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.625.815.449	6.619.054.330
<b>Cộng</b>	<u><b>8.412.319.928</b></u>	<u><b>19.115.751.625</b></u>

**04. Hàng tồn kho**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Nguyên liệu, vật liệu	232.078.797	65.104.229
Công cụ, dụng cụ	21.855.239	22.703.151
Chi phí sản xuất KD dở dang	23.572.462.240	9.600.752.727
Hàng hoá	20.244.140.839	16.785.202.891
<b>Cộng</b>	<u><b>44.070.537.115</b></u>	<u><b>26.473.762.998</b></u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(1.831.071.387)</u>	<u>(167.998.964)</u>
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<u><b>42.239.465.728</b></u>	<u><b>26.305.764.034</b></u>

**05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Thuê thu nhập doanh nghiệp	13.588.835	13.588.835
Thuế Thu nhập cá nhân	3.607.533	24.761.881
Các khoản phải thu khác Nhà nước	309.999.200	-
<b>Cộng</b>	<u><b>327.195.568</b></u>	<u><b>38.350.716</b></u>



**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP  
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 2 Triệu Quốc Đạt - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: (04) 38 252 498

Fax: (04) 38 261 129

Báo cáo tài chính cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

**6. Tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Máy móc thiết bị	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư tại 01/01/2013	16.520.450.499	6.503.064.692	8.166.032.775	725.919.991	31.915.467.957
Tăng trong kỳ			130.100.000	12.370.909	142.470.909
Giảm trong kỳ		63.616.818	510.584.748	567.160.060	1.141.361.626
Số dư tại 31/12/2013	16.520.450.499	6.439.447.874	7.785.548.027	171.130.840	30.916.577.240
<b>Hao mòn lũy kế</b>					
Số dư tại 01/01/2013	4.043.744.417	2.946.254.665	5.719.678.272	580.575.294	13.290.252.648
Tăng trong kỳ	700.472.888	350.087.030	911.295.484	47.981.469	2.009.836.871
Giảm trong kỳ		56.336.772	353.951.797	511.902.902	922.191.471
Số dư tại 31/12/2013	4.744.217.305	3.240.004.923	6.277.021.959	116.653.861	14.377.898.048
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư tại 01/01/2013	12.476.706.082	3.556.810.027	2.446.354.503	145.344.697	18.625.215.309
Số dư tại 31/12/2013	11.776.233.194	3.199.442.951	1.508.526.068	54.476.979	16.538.679.192

**7. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm kế toán	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2013	31.000.000	-	31.000.000
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	31.000.000	-	31.000.000
Số dư tại ngày 01/01/2013	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2013	21.666.666	-	21.666.666
Tăng trong kỳ	1.032.050	-	1.032.050
Giảm trong kỳ	22.698.716	-	22.698.716
Số dư tại ngày 01/01/2013	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2013	9.333.334	-	9.333.334
Số dư tại ngày 01/01/2013	-	-	-

**08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2013	01/01/2013
Xây lắp	36.703.500.000	41.420.885
<b>Cộng</b>	<b>36.703.500.000</b>	<b>41.420.885</b>

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP  
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 2 Triệu Quốc Đạt - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: (04) 38 252 498

Fax: (04) 38 261 129

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

**09. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

**09a. Đầu tư vào công ty con**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Công ty TNHHNN một thành viên cơ khí Duyên Hải	66.600.000.000	66.600.000.000
Công ty TNHHNN một thành viên cơ khí Hà Nội	52.684.560.000	52.684.560.000
Công ty TNHHNN một thành viên cơ khí Quang Trung	12.251.990.000	12.251.990.000
Công ty TNHHNN một thành viên CARIC	-	35.000.000.000
Công ty TNHHNN một thành viên XNK sản phẩm cơ khí	34.897.000.000	34.897.000.000
Công ty TNHHNN một thành viên XNK thiết bị toàn bộ	32.827.756.632	32.827.756.632
Công ty Cổ phần dụng cụ số 1	2.864.200.000	2.864.200.000
Công ty Cổ phần cơ khí Cửu Long	3.123.900.000	3.123.900.000
<b>Cộng</b>	<b><u>205.249.406.632</u></b>	<b><u>240.249.406.632</u></b>

**09b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Công ty Cổ phần xi măng Đồng Bành ✓	27.298.839.658	31.200.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Sài Gòn- Hà Nội (*) ✓	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện và khoáng sản Hà Giang	-	20.710.000.000
Công ty Cổ phần Caric ✓	29.120.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>58.218.839.658</u></b>	<b><u>53.710.000.000</u></b>

**09c. Đầu tư dài hạn khác**

Công ty Cơ khí chế tạo Hải Phòng ✓	1.037.690.000	1.037.690.000
Công ty Cổ phần đá mài Hải Dương (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần A74 (*) ✓	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty CP cơ điện và xây dựng (*) ✓	400.000.000	400.000.000
Công ty CP Kinh doanh thiết bị công nghiệp ✓	2.550.000.000	2.550.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>5.987.690.000</u></b>	<b><u>5.987.690.000</u></b>
Dự phòng đầu tư tài chính	(4.600.000.000)	
<b>Tổng Cộng</b>	<b><u>264.855.936.290</u></b>	<b><u>299.947.096.632</u></b>

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Chi phí tư vấn xây dựng trụ sở Tổng Công ty	100.147.977	209.938.810
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	93.798.833	41.950.235
Chi phí khác	400.270.343	349.433.544
<b>Cộng</b>	<b><u>594.217.153</u></b>	<b><u>601.322.589</u></b>

**11. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Vay ngắn hạn	8.376.293.190	9.280.454.471
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>12.376.293.190</u></b>	<b><u>14.280.454.471</u></b>



**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP  
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 2 Triệu Quốc Đạt - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: (04) 38 252 498 Fax: (04) 38 261 129

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Thuế giá trị gia tăng	164.794.146	2.093.949.956
Thuế thu nhập doanh nghiệp	687.441.754	1.659.434.949
Thuế thu nhập cá nhân	17.413.912	
<b>Cộng</b>	<u><b>869.649.812</b></u>	<u><b>3.753.384.905</b></u>

**13. Chi phí phải trả**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Lãi vay phải trả	3.061.116.667	3.710.900.000
Phí bảo lãnh ngân hàng	-	249.707.193
Tiền thuê nhà trích trước	518.889.375	-
Chi phí phải trả khác	169.658.520	678.254.131
<b>Cộng</b>	<u><b>3.749.664.562</b></u>	<u><b>4.638.861.324</b></u>

**14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	50.380.647	50.380.647
Kinh phí công đoàn	196.689.667	54.165.112
Bảo hiểm xã hội	100.524.607	85.367.874
Bảo hiểm y tế	19.307.034	-
Bảo hiểm thất nghiệp	836.280	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.853.144.032	51.951.643.343
<b>Cộng</b>	<u><b>22.220.882.267</b></u>	<u><b>52.141.556.976</b></u>

**15 a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (trang 21)**

*15 b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Vốn góp của Nhà nước	441.948.289.841	312.529.174.684
<b>Cộng</b>	<u><b>441.948.289.841</b></u>	<u><b>312.529.174.684</b></u>

*15 e. Các quỹ của doanh nghiệp:*

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Quỹ đầu tư phát triển	9.903.060.010	2.561.266.142
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	3.050.438.719	18.331.629.557
Quỹ đầu tư xây dựng cơ bản	1.759.751.115	1.759.751.115

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP  
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 2 Triệu Quốc Đạt - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: (04) 38 252 498 Fax: (04) 38 261 129

Báo cáo tài chính cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

**15. Vốn chủ sở hữu**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2012	314.563.546.750	18.331.629.557	55.057.930.000	(3.394.981.112)	2.561.266.142	3.558.286.582	3.504.338.861	(393.433.985)	393.788.582.795
Tăng vốn năm trước									-
Lãi năm trước								3.122.875.626	3.122.875.626
Tăng khác				3.770.495.345	56.424.820	202.893.995		-	4.029.814.160
Giảm vốn năm nay			55.019.204.967	-				1.233.596.221	56.252.801.188
Lỗ trong năm nay								2.397.520.152	2.397.520.152
Giảm khác	2.034.372.066			375.514.233	564.248.200		174.458.774,6	2.886.925.450	7.097.824.315
<b>Số dư ngày 31/12/2012</b>	<b>312.529.174.684</b>	<b>18.331.629.557</b>	<b>38.725.033</b>	<b>-</b>	<b>2.561.266.142</b>	<b>3.761.180.577</b>	<b>1.759.751.115</b>	<b>(3.788.600.182)</b>	<b>335.193.126.926</b>
Tăng vốn năm nay	135.299.115.157	-	-	-	-	-	-	-	135.299.115.157
Lãi năm nay	-	-	-	-	-	-	-	82.835.119	82.835.119
Tăng khác	-	120.517.924.319	-	190.346.756	7.341.793.868	243.352.318	-	2.467.970.700	130.761.387.961
Giảm vốn năm nay	-	-	-	-	-	-	-	3.988.784.443	3.988.784.443
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	5.880.000.000	135.799.115.157	38.725.033	190.346.756	-	4.004.532.895	-	4.417.970.700	150.330.690.541
<b>Số dư ngày 31/12/2013</b>	<b>441.948.289.841</b>	<b>3.050.438.719</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.903.060.010</b>	<b>-</b>	<b>1.759.751.115</b>	<b>(9.644.549.506)</b>	<b>447.016.990.179</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**Mẫu số B09-DN**

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*Đơn vị tính: VND*

**16. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2013	Năm 2012
Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm	318.911.902.873	265.924.345.417
<b>Cộng</b>	<b>318.911.902.873</b>	<b>265.924.345.417</b>

**17. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2013	Năm 2012
Giảm giá hàng bán	8.360.146	9.502.841.464
<b>Cộng</b>	<b>8.360.146</b>	<b>9.502.841.464</b>

**18. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2013	Năm 2012
Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm	318.903.542.727	256.421.503.953
<b>Cộng</b>	<b>318.903.542.727</b>	<b>256.421.503.953</b>

**19. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2013	Năm 2012
Giá vốn của hàng hóa đã bán	289.510.309.561	110.270.267.499
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	242.361.106	123.799.502.364
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.663.072.423	-
<b>Cộng</b>	<b>291.415.743.090</b>	<b>234.069.769.863</b>

**20. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2013	Năm 2012
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.697.814.354	1.605.231.154
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	74.212.740
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.508.825.500
<b>Cộng</b>	<b>7.697.814.354</b>	<b>3.188.269.394</b>

**21. Chi phí tài chính**

	Năm 2013	Năm 2012
Lãi tiền vay	1.106.853.035	2.817.358.545
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	737.352.075	1.956.144.258
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.865.697.876
Chi phí tài chính khác	13.211.975.803	-
<b>Cộng</b>	<b>15.056.180.913</b>	<b>6.639.200.679</b>

Địa chỉ: Số 2 Triệu Quốc Đạt - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: (04) 38 252 498

Fax: (04) 38 261 129

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

**22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2013	Năm 2012
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	981.649.301	1.350.109.681
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	11.365.750	5.087.084.558
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	498.459.546	4.149.329.480
<b>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>494.555.505</b>	<b>2.287.864.759</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thu nhập chịu thuế	898.814.181	1.718.653.814
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>82.835.120</b>	<b>(368.544.133)</b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Công cụ tài chính**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tuy nhiên cho đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư 210, do đó các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính này ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác vẫn được trình bày theo giá gốc.

	Tại ngày 31/12/2013		Tại ngày 01/01/2013	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	152.672.970.519		36.037.011.886	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	136.544.891.573	(3.194.616.325)	150.441.348.606	(374.198.500)
Đầu tư dài hạn	264.855.936.290	(4.600.000.000)	299.947.096.632	-
<b>Cộng</b>	<b>554.073.798.382</b>	<b>(7.794.616.325)</b>	<b>486.425.457.124</b>	<b>(374.198.500)</b>

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	12.376.293.190	14.280.454.471
Phải trả người bán và phải trả khác	86.078.541.657	151.540.913.106
Chi phí phải trả	3.749.664.562	4.638.861.324
<b>Cộng</b>	<b>102.204.499.409</b>	<b>170.460.228.901</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày 31/12/2013 ngoại trừ mục “Phải thu khách hàng và phải thu khác”, “Đầu tư dài hạn” do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.



Địa chỉ: Số 2 Triệu Quốc Đạt - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: (04) 38 252 498

Fax: (04) 38 261 129

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**Mẫu số B09-DN**

**Quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải gánh chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro tỷ giá**

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản phải thu, các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua bán ngoại tệ hợp lý, phù hợp với kế hoạch sản xuất để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	152.672.970.519			152.672.970.519
Phải thu khách hàng và phải thu khác	128.132.571.745			128.132.571.745
Đầu tư dài hạn			264.855.936.290	264.855.936.290
<b>Cộng</b>	<b>280.805.542.264</b>	<b>-</b>	<b>264.855.936.290</b>	<b>545.661.478.554</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.037.011.886			36.037.011.886
Phải thu khách hàng và phải thu khác	150.441.348.606			150.441.348.606
Đầu tư dài hạn			299.947.096.632	299.947.096.632
<b>Cộng</b>	<b>150.441.348.606</b>	<b>-</b>	<b>299.947.096.632</b>	<b>450.388.445.238</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**Mẫu số B09-DN**

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty không đảm bảo được nguồn vốn cần thiết khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Rủi ro thanh khoản chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các cổ đông cam kết góp. Thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Ngày 31/12/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	152.672.970.519			152.672.970.519
Phải thu khách hàng và phải thu khác	136.544.891.573			136.544.891.573
Đầu tư dài hạn			264.855.936.290	264.855.936.290
<b>Cộng tài sản tài chính</b>	<b>289.217.862.092</b>	<b>-</b>	<b>264.855.936.290</b>	<b>554.073.798.382</b>
Vay và nợ	12.376.293.190			12.376.293.190
Phải trả người bán và phải trả khác	86.078.541.657			86.078.541.657
Chi phí phải trả	3.749.664.562			3.749.664.562
<b>Cộng nợ phải trả tài chính</b>	<b>102.204.499.409</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>102.204.499.409</b>
<b>Tài sản tài chính thuần</b>	<b>187.013.362.683</b>	<b>-</b>	<b>264.855.936.290</b>	<b>451.869.298.973</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

**2.1 Các giao dịch trong năm 2013 với các bên liên quan**

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
<b>Doanh thu bán hàng</b>			
Công ty TNHH NN MTV cơ khí Duyên Hải	Công ty con	27.412.935.246	7.356.431.010
Công ty TNHH NN MTV cơ khí Quang Trung	Công ty con	15.489.950.576	6.392.270.100
Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	19.522.884.656	
<b>Cộng</b>		<b>62.425.770.478</b>	<b>13.748.701.110</b>
<b>Mua hàng</b>			
		<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Công ty TNHH NN MTV cơ khí Duyên Hải	Công ty con	19.109.056.397	19.630.118.308
Công ty TNHH NN MTV cơ khí Quang Trung	Công ty con	15.441.419.744	8.744.935.250
<b>Cộng</b>		<b>34.550.476.141</b>	<b>28.375.053.558</b>



**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP  
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 2 Triệu Quốc Đạt - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: (04) 38 252 498

Fax: (04) 38 261 129

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính**  
kết thúc ngày 31/12/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

**2.2 Số dư với các Bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính**

		<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con	1.718.208.941	-
Công ty TNHH NN MTV cơ khí Duyên Hải	Công ty con	1.748.174.227	-
<b>Cộng</b>		<b>3.466.383.168</b>	<b>-</b>
<b>Ứng trước cho người bán</b>			
Công ty CP Dụng cụ số 1	Công ty con	72.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>72.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu nội bộ</b>			
Công ty CP dụng cụ số 1	Chi nhánh	399.460.000	542.670.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	653.317.522	653.317.522
Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Caric	Công ty con		226.308.477
Công ty TNHH NN MTV cơ khí Quang Trung	Công ty con		337.469.135
<b>Cộng</b>		<b>1.052.777.522</b>	<b>1.195.987.522</b>
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con	653.272.984	-
Công ty TNHH NN MTV cơ khí Duyên Hải	Công ty con	132.620.478	-
<b>Cộng</b>		<b>785.893.462</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả nội bộ</b>			
Công ty XNK Sản phẩm cơ khí	Công ty con	160.000.000	160.000.000
<b>Cộng</b>		<b>160.000.000</b>	<b>160.000.000</b>
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con	4.110.429.457	4.621.679.195
Công ty TNHH NN MTV cơ khí Duyên Hải	Công ty con	9.568.552.572	8.391.595.929
Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	1.331.542.985	12.638.617.674
<b>Cộng</b>		<b>15.010.525.014</b>	<b>25.651.892.798</b>
<b>Phải trả khác</b>			
Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Hà Nội		10.650.642	10.650.642
Công ty TNHH NN một thành viên Cơ khí Duyên Hải			8.770.265
Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Caric			4.545.454
<b>Cộng</b>		<b>10.650.642</b>	<b>23.966.361</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**Mẫu số B09-DN**

**3. Thông tin so sánh**

Là số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc gia VIA có điều chỉnh theo sự điều chỉnh số đầu kỳ của Chi nhánh Tổng Công ty - Công ty Cơ khí và Xây lắp Miền Trung.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2014

**Người lập**



**Đâu Huy Ngọc Linh**

**Kế toán trưởng**



**Trần Thị Thu Trang**

**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HAI BÀ TRƯNG  
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày: **08 -07- 2015**

Số chứng thực: **05791** Quyền số: **03** SCT/BS



**CÔNG CHỨNG VIÊN**

**Dặng Anh**

